

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân
2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Phước Lợi – kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 393/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà V T B D, sinh năm 1996; địa chỉ: số 1122/57, khóm Bình Khánh 5, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Đ V C, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà V T B D trình bày:

Bà V T B D và ông Đ V C do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên. Vợ chồng sống đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình, ông C thường xuyên bạo hành gia đình, nên giữa bà D và ông C không sống chung từ cuối năm 2015 cho đến nay.

Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/12/2015. Hiện nay, Đặng Ngọc Như Ý đang sống chung với bà D, khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đ V C đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông C đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V T B D đối với ông Đ V C.

- Về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử cho bà V T B D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Ngọc Như Ý, bà Oanh và ông Hải không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà V T B D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ V C, về con chung bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Đặng Ngọc Như Ý, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đ V C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Đ V C không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ V C.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà V T B D và ông Đ V C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà D cho rằng ông C không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần ông C say rượu là bạo lực gia đình, nên giữa bà D và ông C không sống chung từ cuối năm 2015 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D có yêu cầu được ly hôn ông C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/12/2015. Hiện nay, Đặng Ngọc Như Ý đang sống chung với bà D, khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện nay đang được bà D nuôi dưỡng ổn định và ông C không có ý kiến phản hồi về nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao con chung Đặng Ngọc Như Ý cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà V T B D được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V T B D, bà V T B D được ly hôn với ông Đ V C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 150, ngày 21 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh AG cấp cho ông Đ V C và bà V T B D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà V T B D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/12/2015, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà V T B D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004724, ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu